



DANH SÁCH HỌC SINH, HỌC VIÊN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÀN TRÚ, HỌC VIÊN BÀN TRÚ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 66/2025/NĐ-CP,
NGÀY 12 THÁNG 3 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm Biên bản xét duyệt xét duyệt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 của Chính phủ
Năm học 2025-2026, ngày 16/10/2025 của Hội đồng xét duyệt Trường THPT Kon Tum)

TT	Họ và tên	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Thuộc đối tượng	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
1	Quách Châu Kiệt	10A3	26/03/2010	Thôn Ba Khen, Xã Măng Ri, tỉnh Quảng Ngãi	Dân tộc thiểu số, Vùng DBKK	936.000		15	9	8.424.000		135	
2	Y Mỹ Lam	10A12	23/05/2010	Thôn Đak Xê Kơ Ne, Xã Đak Pxi, Quảng Ngãi		936.000		15	9	8.424.000		135	
3	Y Nga	10A12	20/01/2010	Thôn Đak Rơ Wang, Xã Đak Pxi, Quảng Ngãi		936.000		15	9	8.424.000		135	
4	Y Du	10A12	14/07/2010	Thôn Krong Duân, Xã Đak Pxi, Quảng Ngãi		936.000		15	9	8.424.000		135	
5	Y Hành	10A12	07/02/2010	Thôn Đak Mạnh II, Xã Ngọc Ty, Quảng Ngãi		936.000		15	9	8.424.000		135	
6	Y Hữu	10A12	29/03/2010	Thôn Đak Kon, Xã Ngọc Ty, Quảng Ngãi		936.000		15	9	8.424.000		135	
7	Quách Lâm Hùng	12C8	26/05/2008	Thôn Ba Khen, Xã Măng Ri, tỉnh Quảng Ngãi		6.552.000	-	105	63	58.968.000	-	945	
Tổng cộng													

Danh sách có 07 học sinh.

Số: 100/BB-THPTKT

BIÊN BẢN

**Hội đồng xét duyệt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ
theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 của Chính phủ
Năm học 2025-2026**

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian: 13 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 10 năm 2025
2. Địa điểm: Phòng họp Hội đồng Trường THPT Kon Tum

II. THÀNH PHẦN

- | | |
|----------------------------------|--|
| 1/ Ông : Nguyễn Hải Nam ; | Chức vụ : Hiệu trưởng; Chủ tịch hội đồng |
| 2/ Ông : Nguyễn Văn Thành; | Chức vụ : P.Hiệu trưởng; Phó chủ tịch |
| 3/ Bà : Lê Thị Thu Nga ; | Chức vụ : P.Hiệu trưởng; Phó chủ tịch |
| 4/ Ông : Lê Quang Vũ ; | Chức vụ : Thư ký hội đồng ; Thư ký |
| 5/ Bà : Nguyễn Thị Thanh Nguyệt; | Chức vụ : Kế toán ĐV; Thành viên |
| 6/Bà: Nguyễn Thị Diệu Linh; | Chức vụ: Kế toán; Thành viên |
| 7/ Bà: Nguyễn Hoàng Vi; | Chức vụ: GVCN 10A3; Thành viên |
| 8/ Bà: Võ Thị Thủy; | Chức vụ: GVCN 10A12; Thành viên |
| 9/ Ông: Hà Quốc Dũng; | Chức vụ: GVCN 12C8; Thành viên |

III. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/03/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Triển khai Thông báo số 81/TB-THPTKT, ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Trường THPT Kon Tum về việc triển khai thu hồ sơ học sinh thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ năm học 2025-2026.

Trên cơ sở các văn bản đã nêu trên triển khai tuyên truyền, phổ biến và thu nhận hồ sơ, Đơn của học sinh thuộc diện xét hưởng chính sách.

Hội đồng tiến hành xét duyệt hồ sơ của từng học sinh: Hồ sơ gồm có Đơn đề nghị và các giấy tờ có liên quan để minh chứng cho học sinh đủ điều kiện để hưởng các chế độ chính sách của nhà nước theo quy định đối với học sinh ở thôn/bản đặc biệt khó khăn có giấy xác nhận thông tin nơi cư trú kèm theo.

Sau một thời gian làm việc khẩn trương và nghiêm túc Hội đồng thẩm định thống nhất thông qua kết quả xét duyệt cụ thể như sau:

- Tổng số học sinh có hồ sơ đề nghị thẩm định: 07 học sinh
- Tổng số học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ là: 07 học sinh (là người Dân tộc thiểu số, bản thân và bố hoặc mẹ đang thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn), cụ thể như sau:

- + Lớp 10A3: 01 học sinh
- + Lớp 10A12: 05 học sinh
- + Lớp 12C8: 01 học sinh

Có danh sách kèm theo

Biên bản xét duyệt học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, năm học 2025 – 2026, được Hội đồng thống nhất thông qua, 100% thành viên không có ý kiến khiếu nại nào và được công khai theo quy định. Hội đồng nhất trí, đề nghị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày.

THƯ KÝ



Lê Quang Vũ



CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định phê duyệt học sinh được hưởng chính sách theo
Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ
Năm học 2025- 2026**

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Căn cứ công văn số 1516/SGDDĐT-TC ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi, về việc hướng dẫn xét duyệt học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm học 2025-2026.

Trường THPT Kon Tum kính trình Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi xem xét thẩm định hồ sơ và gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt học sinh hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 năm học 2025-2026.

1/ Tổng số học sinh đủ điều kiện được xét duyệt: 07 học sinh, trong đó:

- Tổng số học sinh bán trú ở ngoài trường: 07 học sinh;
- Tổng số học sinh bán trú ở trong trường: 0 học sinh;

2/ Tổng kinh phí: 81.648.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn: 58.968.000 đồng;
- Kinh phí hỗ trợ tiền nhà ở: 22.680.000 đồng.
- Số lượng gạo cần hỗ trợ: 945kg.

3/ Hồ sơ kèm theo gồm:

- Danh sách học sinh đề nghị hưởng chế độ bán trú năm học 2025-2026 theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (Mẫu số 06);
- Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ ăn, ở và hỗ trợ gạo cho học sinh bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (Mẫu số 07);

Trường THPT Kon Tum kính trình Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi quan tâm, xem xét thẩm định hồ sơ.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (để trình)
- Lưu VP, KT.



Nguyễn Hải Nam

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ BÀN TRƯ THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Tờ trình số: /TT-THPTKT ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Trường THPT Kon Tum)

TT	Họ và tên	Năm (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (Xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi	Đổi tương hưởng			Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /Năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)	Cơm hộ nghèo (1)									
I Trường THPT Kon Tum							7	-	-	-					58.968.000	22.680.000	945	
1	Quách Châu Kiệt		26/3/2010	10A3	Mường	Thôn Ba Khen (Xã Văn Xúi), Xã Măng Ri	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Y Mỹ Lam	x	23/5/2010	10A12	Xơ Đăng	Thôn Đăk Xế Kơ Nê (Xã Đăk Long), Xã Đăk Pxi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
3	Y Nga	x	20/01/2010	10A12	Xơ Đăng	Thôn Đăk Rơ Wang (xã Đăk Pxi),Xã Đăk Pxi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
4	Y Du	x	14/7/2010	10A12	Xơ Đăng	Thôn Krong Duân (thôn Kon Krong Duân, xã Đăk Pxi), Xã Đăk Pxi	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
5	Y Hành	x	7/2/2010	10A12	Xơ Đăng	Thôn Đăk Mạnh II (Xã Đăk Rơ Nga), Xã Ngọc Tú	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
6	Y Hên	x	29/3/2010	10A12	Xơ Đăng	Thôn Đăk Kon (Xã Đăk Rơ Nga), Xã Ngọc Tú	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	Quách Lâm Hùng		26/5/2008	12C8	Mường	Thôn Ba Khen (Xã Măng Ri), Xã Măng Ri	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
Tổng cộng							7								58.968.000	22.680.000	945	

(Danh sách : 07 người)

Mẫu số 07

DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở VÀ HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH
BÁN TRÚ, HỌC VIÊN BÁN TRÚ TRƯỜNG THPT KON TUM
(Kèm theo Tờ trình số: /TT-THPTKT ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Trường THPT Kon Tum)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng HS bán trú, HV bán trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/Năm (đồng)	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (Kg)	Ghi chú
1	TRƯỜNG THPT KON TUM	7	9	58.968.000	22.680.000	945	
Tổng cộng		7	9	58.968.000	22.680.000	945	